

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2024/HSST

Ngày: 01 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 135/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/HSST- QĐ ngày 06/6/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lưu Văn H**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 24/12/1980, tại thành phố H.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã P, huyện T, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 02, tổ 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12 phổ thông; Con ông: Lưu Đức K (Đã chết); Con bà: Mai Thị B; Vợ: Lò Thị L (Đã chết), con: Có 01 con sinh năm 2005. Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 14/3/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử và xử phạt 16 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 12/10/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 31/10/2006, bị cáo bị Công an phường M, thành phố Đ xử phạt Cảnh cáo

về hành vi Trộm cắp tài sản, theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 79/QĐ-XPVPHC, cho đến lần phạm tội này được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 28/12/2023, cho đến ngày xét xử (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 01/7/1969, tại tỉnh T.

Nơi ĐKKHTT: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã Pom Lót, huyện B, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá: 12/12 phổ thông; Con ông: Nguyễn Văn B (Đã chết), con bà: Vũ Thị H (Đã chết); Vợ: Vợ thứ nhất: Nguyễn Thị H (Đã ly hôn), vợ thứ hai: Vi Thị B; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 23/11/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xét xử và xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án nên đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 28/12/2023 cho đến ngày 01/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lãnh cho đến ngày xét xử (Có mặt).

3. Họ và tên: **Lê A**; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 16/7/1995, tại tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12 phổ thông; Con ông: Lê Văn N, con bà: Bùi Thị L; Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Có 02 tiền án: Ngày 05/7/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xét xử và xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 04/02/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án. Ngày 30/11/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố H xét xử và căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS xử phạt 32 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 26/3/2020 Tòa án nhân dân thành phố H xét xử và tuyên y án sơ thẩm, ngày 23/01/2022, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 21/10/2023 bị cáo bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”, bằng hình thức xử phạt hành chính là phạt tiền, số tiền 5.000.000 đồng, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 154/QĐ-XPHC, bị cáo chưa nộp phạt. Nhân thân: Ngày 25/01/2015, bị cáo bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành

chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bằng hình thức xử phạt hành chính là: Cảnh cáo, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 28/12/2023 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Thành C; Nơi cư trú: Tổ 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt có lý do).

+ Anh Nguyễn Văn Q; Nơi cư trú: Tổ 7, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt không có lý do).

+ Chị Lò Thị Đ; Nơi cư trú: Bản Y, xã M, huyện T, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt có lý do).

+ Chị Lò Thị Hoa; Nơi cư trú: Bản Y, xã M, huyện T, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt có lý do).

+ Chị Nguyễn Thị T; Nơi cư trú: Tổ 13, phường M, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt không có lý do).

+ Chị Lò Thị T; Nơi thường trú: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt có lý do).

+ Anh Trần Trung D; Nơi cư trú: Thôn 13, xã T, huyện B, tỉnh B (Vắng mặt không có lý do).

- *Người làm chứng:* Anh Ngô Quốc H - Sinh ngày: 29/5/1963; Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường H, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bị cáo Lưu Văn H biết Lò Thị Đ và Lò Thị Hoa muốn bán dâm, nên ngày 25/12/2023 H gặp và thỏa Tận với Đ và Hoa là H dẫn khách mua dâm với giá 400.000 đồng/người/lần, H hưởng 200.000 đồng, người bán dâm hưởng 200.000 đồng, Đ và Hoa đồng ý.

Khoảng 23 giờ ngày 25/12/2023 Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn Q và một người tên Long Tê taxi do bị cáo Nguyễn Văn T chở từ khu vực Bản Phủ, xã Noong Hẹt, huyện B lên thành phố Đ đến nhà nghỉ Hương Bình Tộc tổ 4, phường M. Sau khi xuống xe, Q hỏi T về chỗ mua dâm, T gọi điện thoại cho bị cáo Lê A (T biết A là trung gian dẫn dắt gái bán dâm), A báo giá 700.000 đồng/người, Q đồng ý và đưa cho T 700.000 đồng tiền mua dâm, C đưa cho T 1.500.000 đồng gồm 700.000 đồng là tiền mua dâm, 800.000 đồng là trả tiền taxi và C T ngồi đợi. Q vào nhà nghỉ Tê 03 phòng, Q vào phòng 405, C vào phòng 406, Long vào phòng 306. Bị cáo A gọi điện thoại cho Lưu Văn H (A biết H là trung gian dẫn dắt gái bán dâm với giá là 400.000 đồng/người/lần), bảo chờ gái bán dâm

đến nhà nghỉ Hương Bình. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27Z1-382.33 chở Đ, Hoa và một người phụ nữ tên Quỳnh đến chỗ hẹn. A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1-195.59 đến gặp H và dẫn gái bán dâm giao cho T. T dẫn gái bán dâm lên nhưng do Long say rượu không có nhu cầu mua dâm nên chỉ có C và Hoa vào phòng 406, Q và Đ vào phòng 405 để quan hệ tình dục. T và Quỳnh đi xuống, T đưa cho A 1.400.000 đồng tiền mua dâm. H chở Quỳnh về, A đi xe mô tô theo sau đưa cho H 800.000 đồng là tiền mua dâm. A giữ lại 600.000 đồng và đã chi tiêu hết số tiền này. Khi C và Hoa, Q và Đ đang quan hệ tình dục thì Cơ quan C an vào kiểm tra, phát hiện.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS-TPĐBP ngày 23/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố các bị cáo Lưu Văn H và Nguyễn Văn T về tội “Môi giới mại dâm”, theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê A về tội “Môi giới mại dâm”, theo quy định tại điểm đ, g khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền C tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lưu Văn H, Nguyễn Văn T, Lê A về tội: “Môi giới mại dâm”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS, xử phạt bị cáo Lưu Văn H từ 3 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù, áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS, xử phạt bị cáo Lê A từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47/BLHS, khoản 2, khoản 3 Điều 106/BLTTHS, tịch T tiêu hủy 02 chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su, 05 sim điện thoại. Tịch T sung ngân sách: 01 điện thoại Iphone 8 Plus, 01 điện thoại Iphone 6 Plus, 01 điện thoại Samsung Galaxy A11, số tiền 800.000 đồng T giữ của Lưu Văn H; Trả lại cho bị cáo T số tiền: 800.000 đồng. Trả lại cho chị T chiếc xe máy nhãn hiệu LYBERTY 125, BKS: 27B1-195.59. Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản vụ việc, biên bản lấy lời khai, biên bản nhận dạng, biên bản tạm giữ đồ

vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự....Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 26/12/2023, tại nhà nghỉ Hương Bình Tộc tổ 4, phường M, thành phố Đ, tỉnh B, Lưu Văn H, Nguyễn Văn T, Lê A đã có hành vi môi giới cho 02 người là Lò Thị Đ, Lò Thị Hoa bán dâm cho Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành C, T được 1.400.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến đạo đức, Tàn phong mỹ tục, ảnh hưởng đến đời sống văn hóa, trật tự an toàn xã hội nhưng vì mục đích tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố các bị cáo Lưu Văn H, Nguyễn Văn T, Lê A về tội: “Môi giới mại dâm”, theo quy định tại khoản 2 Điều 328/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Các bị cáo Lưu Văn H, Nguyễn Văn T, Lê A đã có hành vi môi giới mại dâm cho hai người, nên các bị cáo pH chịu tình tiết định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328/BLHS. Riêng bị cáo Lê A đã “Tái phạm”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên trong lần phạm tội này pH chịu thêm tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 328/BLHS.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Lưu Văn H, Nguyễn Văn T, Lê A đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51/BLHS. Bỏ để bị cáo Lưu Văn H và Lê A, là người có Công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân, huy chương nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lưu Văn H đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê A không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo Lê A có 01 tiền sự: Ngày 21/10/2023 bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”, bằng hình thức xử phạt hành chính là phạt tiền, số tiền 5.000.000 đồng, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 154/QĐ-XPHC, bị cáo chưa nộp phạt.

Về nhân thân: Các Bị cáo đều là người có nhân thân xấu: Đối với bị cáo Lưu Văn H: Ngày 31/10/2006, bị Công an phường M, thành phố Đ xử phạt Cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”, theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 79.QĐ-XPVPHC, bị cáo đã chấp hành xong, nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo Nguyễn Văn T: Ngày 23/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xét xử và xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng

về tội “Đánh bạc”, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án nên đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo Lê A: Ngày 25/01/2015, bị C an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bằng hình thức xử phạt hành chính là: Cảnh cáo, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC, bị cáo đã chấp hành xong, nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo Lưu Văn H, Nguyễn Văn T, Lê A là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần pH áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người Công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51/BLHS, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của BLHS, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để vừa giáo dục răn đe vừa cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo Lưu Văn H, Nguyễn Văn T, Lê A là đồng phạm trong vụ án. Trong quá trình cùng nhau thực hiện tội phạm, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không phân Công vai trò trách nhiệm cụ thể, nên là đồng phạm giản đơn, Tộc trường hợp phạm tội không có tổ chức. Bị cáo T là người giữ vai trò chính, bị cáo H và A có vai trò ngang nhau, bị cáo Lưu Văn H hiện đang bị mắc bệnh truyền nhiễm (HIV), bị cáo A có hai tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 328/BLHS, nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố các bị cáo Lưu Văn H, Nguyễn Văn T về tội “Môi giới mại dâm”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê A về tội “Môi giới mại dâm”, quy định tại điểm đ, g khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Các bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật, đều nhận thức rõ hành vi “Môi giới mại dâm” là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với hành vi phạm tội của các bị cáo, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo T và bị cáo A là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng bị cáo Lưu Văn H chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328/BLHS, thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo là lao động tự do và thợ xây, không có T nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Vật chứng: 02 chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su, 05 sim điện thoại, là vật không còn giá trị cần tịch T tiêu hủy. 01 điện thoại Iphone 8 Plus, 01 điện thoại Iphone 6 Plus, 01 điện thoại Samsung Galaxy A11, là C cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, số tiền 800.000 đồng T giữ của Lưu Văn H, do bị cáo phạm tội mà có, cần Tịch T sung ngân sách.

Đối với số tiền 800.000 đồng đã T giữ của bị cáo Nguyễn Văn T, là số tiền mà anh Nguyễn Thành C đưa cho bị cáo T để trả tiền taxi, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần trả lại số tiền này cho bị cáo T.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27Z1-382.33 là tài sản hợp pháp của chị Lò Thị T; Chiếc điện thoại Iphone 8 Plus, màu vàng là của anh Trần Trung D. Chị T, anh D không biết các tài sản trên được sử dụng vào việc vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, sau khi nhận lại tài sản, chị T và anh D không có khiếu nại gì, xét việc trao trả các tài sản này là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu LYBERTY 125, màu sơn trắng, BKS: 27B1-195.59, kèm chìa khoá xe, quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn A mượn của chị Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường M, thành phố Đ, tỉnh B, khi cho bị cáo A mượn, chị T không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội. Do vậy, cần trả lại cho chị T.

[6]. Các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thành C có hành vi mua dâm đã bị C an thành phố Đ đã xử phạt 1.500.000 đồng/người theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 31, 32 ngày 22/3/2024.

- Đối với Lò Thị Đ và Lò Thị Hoa có hành vi bán dâm đã bị C an thành phố Đ đã xử phạt 400.000 đồng/người theo quyết định số xử phạt vi phạm hành chính 33, 34 ngày 22/3/2024.

- Đối với Ngô Quốc H là lẽ tân và Nguyễn Xuân Nội là chủ nhà nghỉ Hương Bình đều không biết việc mua bán dâm nên không đặt vấn đề xử lý hình sự trong vụ án. Nguyễn Xuân Nội có hành vi thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật đã bị Ủy ban nhân dân thành phố Đ xử phạt 15.000.000 đồng theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03 ngày 01/4/2024.

- Đối với người nam giới tên L và người phụ nữ tên Q, các bị cáo và người liên quan không biết họ, tên Đệm, địa chỉ của những người này, cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS.

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Môi giới mại dâm”

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm tù, được khấu trừ 36 ngày tạm giam, bị cáo còn lại pH chấp hành 10 (Mười) tháng 24 (Hai mươi bốn) ngày tù, thời hạn chấp hành án được tính kể từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS.

+ TuY bố bị cáo Lưu Văn H phạm tội “Môi giới mại dâm”

+ Xử phạt bị cáo Lưu Văn H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (28/12/2023).

- Căn cứ điểm đ, g khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS.

+ TuY bố bị cáo Lê A phạm tội “Môi giới mại dâm”.

+ Xử phạt bị cáo Lê A 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (28/12/2023).

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS, khoản 2, khoản 3 Điều 106/BLTTHS, tịch T tiêu hủy: 02 chiếc bao cao su, 02 vỏ bao cao su, 05 sim điện thoại số: 0915.131.114, 0986.488.097, 0924.546.528, 0789.025.498, 0859.745.636. Tịch T sung ngân sách: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen, dung lượng 64G, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, dung lượng 64G, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A11 màu đen, số tiền 800.000 đồng T giữ của bị cáo Lưu Văn H.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 800.000 đồng, trả lại cho chị Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường M, thành phố Đ, tỉnh B chiếc xe máy nhãn hiệu LYBERTY 125, màu sơn trắng, BKS: 27B1- 195.59, số khung: RP8M73400DV116740, số máy: M737M5017978, vỏ xe có nhiều vết chầy xước, nứt vỡ, xe đã qua sử dụng kèm 01 chìa khoá xe (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/5/2024 giữa C an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333/BLTTHS, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ án (01/7/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra C an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THA TPĐBP;
- TAND tỉnh B;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

